

Số: 01/NQ - ĐHCĐ

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÀNH AN 96

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96;

Căn cứ Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây Lắp Thành An 96 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 17/4/2025;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã được triệu tập họp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội với:

1. Tổng số cổ đông của Công ty là: **639** cổ đông cá nhân và tổ chức, sở hữu **12.419.787** cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong đó :

- Cổ phần Vốn Nhà nước	: 6.334.373 CP
- Cổ phần của Công đoàn cơ sở	: 25.153 CP
- Cổ phần của cổ đông khác	: 6.060.261 CP

2. Số cổ đông có mặt tham dự Đại hội là: **60** cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số **9.993.713/12.419.787** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ: **80,5%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong đó : - Số cổ phần các cổ đông sở hữu : 8.055.344 CP
- Số cổ phần ủy quyền : 1.938.369 CP

3. Số cổ đông vắng mặt không ủy quyền dự Đại hội là: 483 cổ đông, sở hữu 2.426.074 cổ phần/12.419.787 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 19,5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đại hội chính thức tiến hành vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96, số 02 Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 đã tập trung trí tuệ, làm việc với tinh thần khẩn trương, nghiêm túc và với ý thức trách nhiệm cao. Sau khi thảo luận vào các báo cáo:

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Nhất trí thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.

Đại hội đã nhất trí thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2024 kế hoạch SXKD năm 2025 trên cơ sở báo cáo của HĐQT đã được trình bày trước Đại hội, với các chỉ tiêu chủ yếu sau :

ĐVT: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025
1- Giá trị sản xuất	4.063.149.623	3.850.000.000
2- Vốn điều lệ tại DN	124.197.870	124.197.870
3- Tổng Doanh thu	3.460.809.175	3.350.000.000
4- Lợi nhuận trước thuế	34.594.912	33.500.000
5- Lợi nhuận sau thuế	27.063.997	26.800.000
6- Tỷ lệ chi trả cổ tức	65% LNST	65%LNST

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 2. Nhất trí thông qua báo cáo công tác đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2024 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2025.

(Nội dung chi tiết theo tài liệu đính kèm)

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 3. Nhất trí thông qua báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động trong năm 2024 và kế hoạch công tác năm 2025.

(Nội dung chi tiết trong tài liệu Đại hội)

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 và kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2025, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

ĐVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	
		Tỷ lệ trích quỹ	Thành tiền
- Lợi nhuận trước thuế	34.594.912		33.500.000
- Thuế thu nhập DN	7.530.915		6.700.000
- Lợi nhuận sau thuế (L-T)	27.063.997		26.800.000
- Chia cổ tức	17.592.231	65%LNST	17.420.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển	3.247.797	12%LNST	3.216.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.818.968	21,5%LNST	5.762.000
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	405.975	1,5%LNST	402.000
- Tỷ lệ chia cổ tức	65% LNST		65% LNST

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 5: Nhất trí thông qua việc chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2024.

ĐVT: 1.000 đồng

1. Tổng lợi nhuận thực hiện năm 2024 (Đạt 1%/D/thu)	34.594.912
2. Nộp thuế TNDN	7.530.915
3. Lợi nhuận sau thuế năm 2024 (Đạt 0,78%/D/thu)	27.063.997
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023	974
5. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (5) = (3)+(4)	27.064.971
6. Chia cổ tức, trích lập các quỹ trong năm	27.064.971
Trong đó:	
6.1. Chia cổ tức (65%LNST ~ 14,16%)	17.592.231
- Cổ tức phần vốn nhà nước (6.334.373 CP)	8.972.437
- Cổ tức phần vốn Công đoàn (25.153 CP)	35.628
- Cổ tức cho các cổ đông thiểu số (6.060.261CP)	8.584.166
6.2. Trích lập các quỹ (35%LNST)	9.472.740
- Quỹ đầu tư phát triển	3.247.797
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.818.968
- Quỹ khen thưởng BDH	405.975

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 6: Nhất trí thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty được lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban nhà nước chấp thuận để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm, soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2025 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 7: Nhất trí thông qua tờ trình quyết toán mức lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024 và phương án tiền lương, thù lao của HĐQT Ban kiểm soát năm 2025.

- Quyết toán tiền lương của HĐQT, thù lao của BKS 2024:	
- Tiền lương của HĐQT	: 1.990.486.215 đồng
- Tiền lương của Ban kiểm soát	: 581.749.301 đồng
- Thù lao của TV HĐQT không chuyên trách	: 15.878.064 đồng
- Thù lao của BKS không chuyên trách	: 10.841.729 đồng
Tổng cộng	: 2.598.955.309 đồng

- Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước hiện hành về quản lý lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

Điều 8. Nhất trí thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Nhất trí thông qua việc miễn nhiệm đồng chí Hoàng Đức Trúc – chức vụ thành viên Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2023-2028) kể từ ngày 17/4/2025, do nghỉ chờ hưu theo chế độ.

Nhất trí bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bổ sung: 01 người
- Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị cần bổ sung: Thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2023-2028.
- Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên HĐQT: Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết: 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

545
Y
Y LẬP
AN
P Đ

BÁO CÁO

Kết quả đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2024 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2025

Thực hiện Điều lệ, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CPXL Thành An 96 năm 2024;

Căn cứ vào quy chế Quản lý Đầu tư và sử dụng thiết bị xe máy, dụng cụ thi công của Công ty đã ban hành;

Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025,

Hội đồng Quản trị Công ty CPXL Thành An 96 báo cáo kết quả đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2024 và kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2025 như sau:

I. Kết quả đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2024:

1. Kết quả thực hiện đầu tư: (có bảng Chi tiết kèm theo tại phụ lục 01/KQĐT-2024)

1.1. Đầu tư XDCB: Trong năm Công ty đầu tư 02 hạng mục gồm: Công trình Trụ sở làm việc các đơn vị thành viên thuộc Công ty CPXL Thành An 96 Khu vực phía Bắc (tại Tp Hà Nội) và Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 với giá trị là: 34,102 tỷ.

1.2. Đầu tư mở khai thác đất Hóc Tra (giai đoạn 1):

- Cơ quan chức năng có Quyết định phê duyệt bổ sung khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh để thăm dò, khai thác phục vụ thi công các công trình trọng điểm sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tổng diện tích quy hoạch mở đất Hóc Tra là 8,7ha. Công ty đã được cơ quan chức năng cấp giấy phép khai thác khoáng sản ngày 11/7/2024 với diện tích là 5,8ha, trữ lượng địa chất là 727.453m³; trữ lượng khai thác là 649.502m³, công suất khai thác 300.000m³ nguyên khối/năm, thời gian khai thác là 02 năm 3 tháng 22 ngày kể từ ngày ký Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Để đảm bảo nhu cầu vật liệu đất đắp cho 03 Dự án trọng điểm vốn ngân sách Nhà nước của tỉnh đang thi công.

- Giá trị đầu tư cho mở đất Hóc Tra (giai đoạn 1) là: 16,5 tỷ đồng.

1.3. Đầu tư Xe máy – thiết bị:

Trong năm, Công ty đã đầu tư tổng cộng 19 danh mục XMTB với giá trị 46,239 tỷ đồng để đảm bảo thi công các Dự án khẩn cấp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Dự án KTS trong đó:

- Phương tiện vận tải: 06 danh mục.

- Máy móc thiết bị: 13 danh mục.



2. Kết quả thanh xử lý và bán tài sản thu hồi vốn:

Trong năm 2024, Công ty có lập kế hoạch xin thanh xử lý tài sản gồm 20 danh mục tài sản đã hết khấu hao với nguyên giá là 1,481 tỷ đồng (trong đó có 10 thiết bị thi công chủ yếu là máy trộn bê tông, búa thủy lực, máy uốn thép và máy toàn đạc; 10 thiết bị dụng cụ quản lý chủ yếu là máy photocopy). Tuy nhiên do thiết bị thi công hầu hết ở đảo xa chưa thanh lý được, Công ty chuyển sang kế hoạch thanh lý năm 2025.

3. Đánh giá chung về kết quả đầu tư, thanh xử lý tài sản:

Công tác đầu tư tăng năng lực sản xuất theo nhu cầu của đơn vị, quá trình đầu tư thực hiện theo đúng trình tự thủ tục, đúng quy chế đã ban hành. Sau đầu tư đơn vị quản lý sử dụng đúng mục đích, phát huy hiệu quả làm việc.

II. Kế hoạch đầu tư, thanh xử lý tài sản năm 2025:

1. Kế hoạch đầu tư: (Chi tiết kèm theo tại phụ lục 02/KHĐT-2025)

1.1. Đầu tư XD CB:

- Do thành phố Đà Nẵng đầu tư xây dựng tuyến đường QP an ninh Nguyễn Sinh Sắc nối dài và mở rộng tuyến đường vành đai phía Tây 2, ảnh hưởng đến toàn bộ trụ sở và hàng rào, cổng, diện tích đất của Xí nghiệp 36.

- Thực hiện công văn các văn bản của cơ quan chức năng về chuyển mục đích đất QP để thực hiện dự án tuyến đường cấp bách chiến lược QP phục vụ quân sự và dân sinh;

- Để đáp ứng nhu cầu làm việc, đảm bảo an toàn, phù hợp với không gian, điều kiện làm việc của cơ quan đơn vị. Thực tế trụ sở đã hư hỏng xuống cấp không phù hợp với điều kiện làm việc hiện nay bắt buộc phải cải tạo, sửa chữa lại. Công ty đã báo cáo Bình đoàn 11 đề xuất chủ trương xin sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Xí nghiệp xây lắp 36 trong kế hoạch đầu tư năm 2025 với giá trị dự kiến là: 15 tỷ đồng.

1.2 Đầu tư khai thác mỏ:

1.2.1 Đối với Dự án Mở khai thác đất Hóc Tra (giai đoạn 2):

- Mở khai thác khoáng sản đất san lấp, xây dựng công trình tại Khu vực Hóc Tra có diện tích quy hoạch 8,7ha giao quyền khai thác không qua đấu giá, đã được cấp giấy phép 5,8ha, diện tích mỏ quy hoạch còn lại là 2,9ha chưa được cấp phép. Việc xin cấp phép mở rộng Mỏ đất Hóc Tra (giai đoạn 2) với diện tích 2,9ha còn lại nhằm đáp ứng nhu cầu cung cấp nguyên vật liệu đất đắp còn thiếu cho các Dự án còn lại trên địa bàn tỉnh cần phải đầu tư mới đáp ứng nhu cầu và tiến độ khai thác cấp đất cho các công trình.

- Kế hoạch đầu tư thiết bị, hạ tầng mỏ đất Hóc Tra (giai đoạn 2) dự kiến là: 10 tỷ đồng.

1.2.2 Đối với Dự án Mở đá Suối Mơ (giai đoạn 2):

Công ty tiếp tục theo dõi, làm việc để được khai thác vì Công ty đã đầu tư và đã khai thác nhiều năm. Dự kiến khi mở hoạt động trở lại Công ty sẽ phải đầu tư thêm thiết bị, hạ tầng phục vụ khai thác mỏ để đảm bảo vận hành khai thác đúng theo quy định đã được cơ quan chức năng phê duyệt. Kế hoạch đầu tư thiết bị, hạ tầng dự kiến là: 16 tỷ đồng.

1.3. Đầu tư XMTB: Để tăng năng lực sản xuất, căn cứ kế hoạch biện pháp, tiến độ các công trình đang và chuẩn bị thi công. Theo đề nghị của các đơn vị năm 2025. Hội đồng Quản trị dự kiến đầu tư gồm: 40 danh mục Phương tiện, máy móc thiết bị với tổng giá trị đầu tư dự kiến: 46,29 tỷ đồng. Các loại phương tiện, máy móc thiết bị đầu tư để thi công khẩn cấp, các công trình trọng điểm; công trình giao thông và một số dự án sắp tới triển khai.

2. Kế hoạch thanh xử lý tài sản: (Chi tiết kèm theo tại phụ lục 03/KH TXL-2025)

Căn cứ vào số lượng, chất lượng Xe máy - Thiết bị thi công hiện có của Công ty. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chỉ đạo rà soát lại toàn bộ XMTB, TSCĐ khác phân loại cấp 5 đã hết khấu hao, không có nhu cầu sử dụng đề xuất cho phép thanh xử lý tài sản loại ra khỏi biên chế theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả đầu tư và thanh xử lý tài sản năm 2024, kế hoạch đầu tư và thanh xử lý tài sản năm 2025 của Công ty. Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /.

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Xuân Bằng





KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XDCB VÀ TSCĐ 2024

ĐVT: đồng

TT	Tên thiết bị xe máy	Đơn vị tính	Thông số đặc trưng	Chất lượng	Xuất xứ	Số lượng	Tổng cộng (số tiền)	Nguồn vốn		Ghi chú	
								Vay tín dụng NH	Vốn tự có		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)						26	84.736.601.041	16.020.000.000	68.716.601.041	
A	ĐẦU TƯ XDCB						2	34.101.599.153	0	34.101.599.153	
1	Trụ sở làm việc các đơn vị thành viên thuộc Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96 (Bình đoàn 11) khu vực phía Bắc (tại TP Hà Nội)	HM		Mới 100%		1	25.220.240.630		25.220.240.630		
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Công ty CPXL Thành An 96	HM				1	8.881.358.523		8.881.358.523		
B	MỎ ĐẤT HÓC TRA						5	4.395.845.200	0	4.395.845.200	
1	Xe ô tô xi téc phun nước DONGFENG 51CD-004-63	Chiếc	Bồn 9m3	Mới 100%	TQ	1	619.278.533		619.278.533		
2	Máy đào bánh xích Volvo EC360 BLC 43XA-1648	Chiếc	Gầu 1,61m3	Đã qua SD	HQ	1	1.185.648.148		1.185.648.148		
3	Máy đào bánh xích Komatsu PC650LC-8 43XA-1652	Chiếc	Gầu 3,1m3	Đã qua SD	TQ	1	1.840.918.519		1.840.918.519		
4	Cần đào đá máy đào bánh xích Komatsu PC650LC-8	Chiếc		Đã qua SD		1	520.000.000		520.000.000		
5	Trạm cân Mỏ đất Hóc Tra	Chiếc	60 tấn	Mới 100%	VN	1	230.000.000		230.000.000		
C	TRANG THIẾT BỊ						19	46.239.156.688	16.020.000.000	30.219.156.688	
I	Phương tiện vận tải						6	11.015.378.910	0	11.015.378.910	
1	Xe ô tô khách hiệu IVECO Daily plus BS51B 338.71	Chiếc	12 chỗ	Mới 100%	VN	1	1.519.498.545		1.519.498.545		
2	Xe chuyển BT - BS 74CD-000.11	Chiếc	Bồn 6m3	Đã qua SD	HQ	1	426.204.849		426.204.849		
3	Xe chuyển BT - BS 74CD-000.17	Chiếc	Bồn 6m3	Đã qua SD	HQ	1	426.204.849		426.204.849		
4	Xe chuyển BT - BS 74CD-000.27	Chiếc	Bồn 6m3	Đã qua SD	HQ	1	425.666.667		425.666.667		
5	Sà lan Thành Tuyến 08-1.150 tấn	Chiếc	1.150 tấn	Đã qua SD	VN	1	4.316.116.000		4.316.116.000		



Phụ lục số 02/KHĐT-2025

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB NĂM 2025

ĐVT: đồng

TT	TÊN THIẾT BỊ, XE MÁY	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Chất lượng	Xuất xứ	Số lượng	Tổng cộng	Nguồn vốn		Ghi chú
								Vay tín dụng ngân hàng	Vốn chủ sở hữu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG					43	87.290.000.000	22.575.000.000	64.715.000.000	
I	XÂY DỰNG CƠ BẢN					1	15.000.000.000	0	15.000.000.000	
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc XN36	HM			VN	1	15.000.000.000	0	15.000.000.000	
II	ĐẦU TƯ MỎ					2	26.000.000.000	0	26.000.000.000	
1	Mỏ đất Hóc Tra (GD2)	HM			VN	1	10.000.000.000		10.000.000.000	
2	Mỏ đá Suối Mơ (GD2)	HM			VN	1	16.000.000.000		16.000.000.000	Khi trúng thầu mới thực hiện đầu tư
III	XE MÁY - THIẾT BỊ					40	46.290.000.000	22.575.000.000	23.715.000.000	
*	Phương tiện vận chuyển					9	14.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	
1	Sà lan 400-1000 tấn	Chiếc	400-1500 tấn	Đã qua SD	VN	2	9.000.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	
2	Xe chuyên dụng các loại	Chiếc	Bồn 6-12m3	Đã qua SD	TQ, HQ	2	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	
3	Xe tải ben các loại	Chiếc	TT 10-20 tấn	Đã qua SD	TQ, HQ	5	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
*	Máy móc - thiết bị					31	32.290.000.000	15.575.000.000	16.715.000.000	
1	Cần trục bánh lốp	Chiếc	Sức nâng 25-45 tấn	Đã qua SD	Nhật Bản	2	8.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
2	Cần trục bánh xích	Chiếc	Sức nâng 80 tấn	Đã qua SD	Nhật Bản	1	8.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
3	Thiết bị nâng hạ <=2 tấn	Chiếc		Mới 100%	TQ	1	1.250.000.000	625.000.000	625.000.000	
4	Xe lu rung	Chiếc	25 -26 tấn	Đã qua SD	Nhật, Đức	1	1.600.000.000	800.000.000	800.000.000	
5	Máy đào bánh lốp	Chiếc	Gầu 0,5-0.9m3	Đã qua SD	Nhật, TQ	4	4.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	
6	Máy đào bánh xích	Chiếc	Gầu 1,2 - 3,0m	Đã qua SD	Nhật, TQ	2	5.000.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	
7	Thiết bị trạm trộn bê tông	Chiếc	CS 60-90m3	Đã qua SD	TQ	1	1.300.000.000	650.000.000	650.000.000	
8	Thiết bị máy phát điện	Chiếc	CS 100-300KA	Đã qua SD	Nhật, Ý	5	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
9	Thiết bị phòng thí nghiệm	Chiếc		Mới 100%	TQ	9	480.000.000	0	480.000.000	
10	Thiết bị đo lường các loại	Chiếc		Mới 100%	TQ	5	660.000.000	0	660.000.000	

18

TRANG THIẾT BỊ ĐỀ NGHỊ LOẠI KHỎI BIÊN CHẾ NĂM 2025

ĐVT: đồng

Số TT	Loại, nhãn hiệu TBXM	Số đề	ĐVT	Số lượng	Kiểu loại máy	Năm sử dụng	Nguyên Giá	Đã khấu hao đến 31/12/2024	Giá trị còn lại đến 31/12/2024	Ghi chú
A	NHÓM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH			26			0	5.695.810.986	5.695.810.986	-
I	Nhà cửa, vật kiến trúc									
II	Phương tiện vận tải			1			3.381.256.440	3.381.256.440	0	
1	Tàu kéo vỏ thép TK11-12-14.VR-SI	573	chiếc	1	Tàu kéo	2015	3.381.256.440	3.381.256.440		
III	Máy móc thiết bị			19			2.314.554.546	2.314.554.546	0	
1	Máy ủi bánh xích KOMATSU D50P-15	523	chiếc	1	Ủi D50P	2015	550.000.000	550.000.000		
2	Máy đào bánh xích KOMATSU PC78US-5	570	chiếc	1	Gầu 0,3m3	2015	318.181.818	318.181.818		
3	Máy trộn bê tông JZC350	668	chiếc	1	10 – 15m3/h	2017	78.000.000	78.000.000		
4	Máy trộn bê tông JZC350	669	chiếc	1	10 – 15m3/h	2017	78.000.000	78.000.000		
5	Máy trộn bê tông JZC350	678	chiếc	1	10 – 15m3/h	2017	79.250.000	79.250.000		
6	Máy trộn bê tông JZC350	679	chiếc	1	10 – 15m3/h	2017	79.250.000	79.250.000		
7	Búa đập thủy lực NB-140	401	chiếc	1		2013	180.000.000	180.000.000		
8	Búa đập thủy lực hiệu NB 140	362	chiếc	1		2012	171.545.455	171.545.455		
9	Búa thủy lực TNP	620	chiếc	1		2016	81.818.182	81.818.182		
10	Máy cắt, uốn sắt	626	chiếc	1	GS 40	2016	40.000.000	40.000.000		
11	Máy toàn đạc điện tử TC 407	232	chiếc	1		2008	127.000.000	127.000.000		
12	Máy toàn đạc điện tử	701	chiếc	1	Geomax Zoom 10,2"	2021	86.363.636	86.363.636		
13	Máy toàn đạc điện tử	592	chiếc	1	Leica TCR402	2016	86.000.000	86.000.000		
14	Máy toàn đạc điện tử	591	chiếc	1	Lieca TC402	2016	74.545.455	74.545.455		
15	Máy toàn đạc điện tử	607	chiếc	1	GTS-102N	2016	63.000.000	63.000.000		
16	Thiết bị phòng thí nghiệm									
+	Máy kéo vụn năng		chiếc	1	WE-1000B	2011	187.600.000	187.600.000		
+	Máy trộn vữa xi măng		chiếc	1		2011	15.800.000	15.800.000		
+	Máy dẫn tạo mẫu vữa xi măng		chiếc	1		2011	12.800.000	12.800.000		
+	Bàn rung bê tông		chiếc	1		2011	5.400.000	5.400.000		
IV	Thiết bị quản lý Văn phòng			6			265.293.546	265.293.546	0	
1	Máy photocopy 2058	468	chiếc	1		2014	35.639.000	35.639.000		
2	Máy photocopy 2060 CPS	546	chiếc	1		2015	48.909.091	48.909.091		
3	Máy photocopy Canon IR2520	568	chiếc	1		2017	44.545.455	44.545.455		
4	Máy photocopy Canon IR2525 (TVB3038)	645	chiếc	1		2016	44.236.364	44.236.364		
5	Máy photocopy Canon IR 2520W	635	chiếc	1		2017	36.963.636	36.963.636		
6	Máy photocopy Ricoh MP5002	670	chiếc	1		2015	55.000.000	55.000.000		
B	NHÓM CÔNG CỤ DỤNG CỤ			0			0	0	0	